

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC
NINH THUẬN**



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	13 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4500289362, đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 9 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 13 tháng 6 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam
- Điện thoại : (0259) 377.80.80

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất và phân phối nước sạch cho sinh hoạt và sản xuất.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Phạm Hữu Sơn	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2019
Ông Đinh Ân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2019
Ông Đinh Viết Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2019
Ông Nguyễn Quốc Quyền	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2019
Ông Võ Ngọc Thoại	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2019

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Bá Bạch Thuý Tiên	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2019
Bà Đinh Lê Ngọc Trâm	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2019

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Đinh Ân	Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2019
Ông Đinh Viết Sơn	Phó Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 11 năm 2019
Ông Nguyễn Quốc Quyền	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2020

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đinh Ân - Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2019).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Đình Ân
Giám đốc

Ngày 13 tháng 3 năm 2024



Số: 3.0085/24/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 13 tháng 3 năm 2024, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số V.3 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về khoản phải thu Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 với số tiền 14.083.400.972 VND. Đây là khoản phải thu theo phán quyết của Tòa án và Công ty xác định doanh thu theo giá bán buôn nước sạch đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận phê duyệt theo Quyết định số 26/2023/QĐ-UBND ngày 11/05/2023 nhưng Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ chưa đồng ý ký lại hợp đồng dịch vụ cấp nước.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 27 tháng 3 năm 2023.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Nha Trang



Phan Thị Ngọc Trâm
Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0979-2023-008-1
Người được ủy quyền

Nguyễn Tiến Lộc
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4304-2023-008-1

Nha Trang, ngày 13 tháng 3 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		249.500.386.361	219.069.091.764
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	11.092.349.111	11.047.541.390
1. Tiền	111		11.092.349.111	11.047.541.390
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		197.525.000.000	167.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	197.525.000.000	167.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		29.945.577.714	31.992.141.893
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	15.445.386.019	22.458.556.148
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		24.300.000	25.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	17.657.281.774	17.063.962.966
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(3.181.390.079)	(7.555.377.221)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		5.607.321.163	6.342.432.828
1. Hàng tồn kho	141	V.6	5.607.321.163	6.342.432.828
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.330.138.373	2.686.975.653
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	356.066.314	321.348.679
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	4.974.072.059	2.365.626.974
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		130.809.868.771	147.279.169.361
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		100.551.247.376	121.052.673.571
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	100.551.247.376	121.037.539.741
- Nguyên giá	222		477.669.940.443	473.249.775.478
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(377.118.693.067)	(352.212.235.737)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	15.133.830
- Nguyên giá	228		2.832.118.363	2.832.118.363
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.832.118.363)	(2.816.984.533)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		25.790.067.241	21.941.036.409
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	25.790.067.241	21.941.036.409
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.468.554.154	4.285.459.381
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	4.468.554.154	4.285.459.381
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		380.310.255.132	366.348.261.125

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		114.623.006.237	127.395.024.101
I. Nợ ngắn hạn	310		48.065.052.056	45.008.124.156
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	5.848.882.243	6.834.880.863
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	259.009.976	1.345.802.598
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	-	507.440.708
4. Phải trả người lao động	314	V.14	2.888.117.097	4.335.320.989
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	600.876.235	695.722.358
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a,c	19.849.540.960	13.580.181.811
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a,c	14.290.159.125	15.144.245.028
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	4.328.466.420	2.564.529.801
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		66.557.954.181	82.386.899.945
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		609.089	609.089
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b,c	19.531.012.508	21.069.799.147
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b,c	47.026.332.584	61.316.491.709
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



NH
 ĐẦU TƯ VẮN
 CANG

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		265.687.248.895	238.953.237.024
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	265.687.248.895	238.953.237.024
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		94.908.414.916	94.908.414.916
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		94.908.414.916	94.908.414.916
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.965.140.000	1.965.140.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		76.437.523.720	58.639.647.492
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		92.376.170.259	83.440.034.616
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		21.364.380.838	83.440.034.616
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		71.011.789.421	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		380.310.255.132	366.348.261.125


Lâm Đại Nam
 Người lập


Nguyễn Thu Hoà
 Kế toán trưởng


 Ninh Thuận, ngày 13 tháng 3 năm 2024

Đinh Ân
 Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	200.538.154.524	193.704.334.577
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		200.538.154.524	193.704.334.577
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	118.909.605.853	116.124.769.759
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		81.628.548.671	77.579.564.818
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	12.708.158.756	8.313.005.529
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.335.722.743	5.256.997.644
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.335.722.743	5.256.997.644
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	4.727.454.666	5.269.136.116
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	4.878.953.202	12.854.638.283
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		80.394.576.816	62.511.798.304
11. Thu nhập khác	31	VI.7	913.660.045	8.481.798.661
12. Chi phí khác	32	VI.8	212.840.021	2.786.080.523
13. Lợi nhuận khác	40		700.820.024	5.695.718.138
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		81.095.396.840	68.207.516.442
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	9.063.607.419	8.778.599.759
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>72.031.789.421</u>	<u>59.428.916.683</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>6.618</u>	<u>5.186</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	<u>6.618</u>	<u>5.186</u>

Ninh Thuận, ngày 13 tháng 3 năm 2024

Lâm Đại Nam
Người lập

Nguyễn Thu Hoà
Kế toán trưởng



Đinh Ân
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		81.095.396.840	68.207.516.442
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8, V.9	24.921.591.160	27.375.708.068
- Các khoản dự phòng	03	V.5	(4.373.987.142)	3.527.891.979
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(11.215.551.810)	(8.313.005.529)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	4.335.722.743	5.256.997.644
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		94.763.171.791	96.055.108.604
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.950.054.247	(5.082.659.571)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.6	735.111.665	1.556.086.896
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		4.809.881.457	(18.145.205.503)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.7	(217.812.408)	430.691.267
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.15, VI.4	(4.420.269.404)	(5.338.052.101)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(11.489.494.426)	(7.613.563.236)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.18	2.980.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(9.369.793.331)	(8.162.433.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		78.763.829.591	53.699.973.056
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8,11 VII	(9.936.852.769)	(15.263.125.385)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(199.525.000.000)	(215.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	169.000.000.000	212.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.077.603.799	8.213.983.083
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(29.384.248.970)	(10.049.142.302)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(15.144.245.028)	(15.144.245.028)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.16a, 19	(34.190.527.872)	(23.664.852.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(49.334.772.900)	(38.809.097.528)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		44.807.721	4.841.733.226
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	11.047.541.390	6.205.808.164
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	11.092.349.111	11.047.541.390

Lâm Đại Nam
Người lập

Nguyễn Thu Hoà
Kế toán trưởng



Ninh Thuận, ngày 13 tháng 3 năm 2024

Đinh Ân
Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất và phân phối nước sạch cho sinh hoạt và sản xuất.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 268 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 272 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.



13/01/2024
CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC
NINH THUẬN

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí thay thế đầu nối, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí công cụ, dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí lắp đặt, thay đồng hồ

Chi phí thay thế đầu nối được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Công cụ, dụng cụ, vật dụng hành chính

Các công cụ, dụng cụ, vật dụng hành chính đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07
Tài sản cố định khác	06 - 07

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.



11/11/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác ở công ty là Giấy phép khai thác và Chi phí khảo sát, đánh giá hiện trạng xây dựng hệ thống cấp nước. Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình khác là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa hệ thống vào sử dụng. Các tài sản vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 - 25 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14991
HINH
IG TI
TOAN
&
NHA T
NG-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có thông báo chia cổ tức của Công ty.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	142.166.500	100.183.400
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.950.182.611	10.947.357.990
Cộng	11.092.349.111	11.047.541.390

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	197.525.000.000	197.525.000.000	167.000.000.000	167.000.000.000
Cộng	197.525.000.000	197.525.000.000	167.000.000.000	167.000.000.000

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải ⁽ⁱ⁾	14.083.400.972	21.134.625.820
- Tiền nước	13.063.464.486	19.345.018.450
- Tiền lãi chậm thanh toán	1.019.936.486	1.789.607.370
Khách hàng sử dụng nước	1.173.355.587	1.111.130.368
Các khách hàng khác	188.629.460	212.799.960
Cộng	15.445.386.019	22.458.556.148

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(i) Số cuối năm là khoản phải thu tiền nước và tiền lãi chậm thanh toán của Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải cho 2 giai đoạn:

- Từ ngày 01/12/2021 đến ngày 26/7/2023 theo Bản án số 04/2023/KDTM-ST ngày 19/09/2023 với tổng số tiền nước và lãi chậm thanh toán là: 10.868.056.896 VND;
- Từ ngày 27/07/2023 đến ngày 31/12/2023 với tổng số tiền nước và lãi chậm thanh toán là: 3.215.344.076 VND.

Công ty đã xác định doanh thu tiền nước cũng như khoản phải thu theo đơn giá tiền nước 6.000 VND/m³ (chưa bao gồm thuế GTGT). Đây là đơn giá đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận phê duyệt theo Quyết định số 26/2023/QĐ-UBND ngày 11/05/2023.

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ban QLDA Cấp thoát nước đô thị ADB4 Ninh Thuận (xem thuyết minh số V.16b)	13.028.161.367	-	13.028.161.367	-
Thuế GTGT chưa được khấu trừ	91.403.249	-	279.689.284	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	3.358.863.090	-	3.220.915.079	-
Tạm ứng	18.043.000	-	57.152.000	-
Các khoản phải thu khác	1.160.811.068	-	478.045.236	-
Cộng	17.657.281.774	-	17.063.962.966	-

5. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải		7.074.581.735	4.660.355.328	15.297.457.270	8.512.498.982
<i>Phải thu tiền nước</i>	<i>Từ 01 đến dưới 02 năm</i>	<i>1.229.960.286</i>	<i>614.980.143</i>	<i>8.248.066.150</i>	<i>4.124.033.075</i>
<i>Phải thu tiền nước</i>	<i>Từ 6 tháng đến dưới 01 năm</i>	<i>5.615.322.300</i>	<i>3.930.725.610</i>	<i>5.489.082.900</i>	<i>3.842.358.030</i>
<i>Phải thu tiền lãi chậm thanh toán</i>	-	-	-	<i>Trên 03 năm</i>	<i>180.035.564</i>
<i>Phải thu tiền lãi chậm thanh toán</i>	-	-	-	<i>Từ 02 đến dưới 03 năm</i>	<i>720.142.256</i>
<i>Phải thu tiền lãi chậm thanh toán</i>	<i>Từ 01 đến dưới 02 năm</i>	<i>229.299.149</i>	<i>114.649.575</i>	<i>Từ 01 đến dưới 02 năm</i>	<i>660.130.400</i>
Khách hàng dùng nước		753.295.541	81.449.430		775.267.673
<i>Phải thu tiền nước</i>	<i>Trên 03 năm</i>	<i>588.999.430</i>	<i>-</i>	<i>Trên 03 năm</i>	<i>566.068.582</i>
<i>Phải thu tiền nước</i>	<i>Từ 02 đến dưới 03 năm</i>	<i>38.227.906</i>	<i>11.468.372</i>	<i>Từ 02 đến dưới 03 năm</i>	<i>77.683.223</i>
<i>Phải thu tiền nước</i>	<i>Từ 01 đến dưới 02 năm</i>	<i>91.333.429</i>	<i>45.666.715</i>	<i>Từ 01 đến dưới 02 năm</i>	<i>75.998.873</i>
<i>Phải thu tiền nước</i>	<i>Từ 6 tháng đến dưới 01 năm</i>	<i>34.734.776</i>	<i>24.314.343</i>	<i>Từ 6 tháng đến dưới 01 năm</i>	<i>55.516.995</i>
Các khách hàng khác		95.317.561	-		95.317.561
Cộng		7.923.194.837	4.741.804.758	16.168.042.504	8.612.665.283

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	7.555.377.221	9.534.295.423
Trích lập dự phòng bổ sung	2.486.043.730	8.664.333.621
Hoàn nhập dự phòng	(6.860.030.872)	(10.643.251.823)
Số cuối năm	<u>3.181.390.079</u>	<u>7.555.377.221</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	5.117.926.205	-	5.853.037.870	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	489.394.958	-	489.394.958	-
Cộng	<u>5.607.321.163</u>	<u>-</u>	<u>6.342.432.828</u>	<u>-</u>

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ, vật dụng hành chính xuất dùng	91.787.751	144.696.358
Chi phí sửa chữa đường ống, tài sản	65.641.226	82.367.000
Chi phí khác	198.637.337	94.285.321
Cộng	<u>356.066.314</u>	<u>321.348.679</u>

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lắp đặt, thay đồng hồ	3.267.173.108	3.798.735.101
Công cụ, dụng cụ, vật dụng hành chính xuất dùng	343.216.512	274.350.812
Chi phí sửa chữa tài sản khác	858.164.534	212.373.468
Cộng	<u>4.468.554.154</u>	<u>4.285.459.381</u>

8. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	64.945.052.144	35.850.896.833	370.647.401.992	1.253.149.799	553.274.710	473.249.775.478
Mua trong năm	-	885.000.000	-	-	-	885.000.000
Đầu tư XD CB hoàn thành	230.332.498	1.307.618.000	1.875.366.616	121.847.851	-	3.535.164.965
Số cuối năm	<u>65.175.384.642</u>	<u>38.043.514.833</u>	<u>372.522.768.608</u>	<u>1.374.997.650</u>	<u>553.274.710</u>	<u>477.669.940.443</u>
Trong đó:						
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	11.540.991.971	19.716.034.793	88.443.987.939	630.967.981	47.200.000	120.379.182.684
Chờ thanh lý	3.606.180.000	2.151.422.173	6.971.089.236	93.272.727	506.074.710	13.328.038.846

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	39.633.611.891	27.931.010.953	283.199.127.844	895.210.339	553.274.710	352.212.235.737
Khấu hao trong năm	4.312.697.489	1.867.503.168	18.611.399.927	114.856.746	-	24.906.457.330
Số cuối năm	43.946.309.380	29.798.514.121	301.810.527.771	1.010.067.085	553.274.710	377.118.693.067
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	25.311.440.253	7.919.885.880	87.448.274.148	357.939.460	-	121.037.539.741
Số cuối năm	21.229.075.262	8.245.000.712	70.712.240.837	364.930.565	-	100.551.247.376
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

9. Tài sản cố định vô hình

	Chương trình phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.817.072.000	1.015.046.363	2.832.118.363
Số cuối năm	1.817.072.000	1.015.046.363	2.832.118.363
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	1.817.072.000	1.015.046.363	2.832.118.363
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.801.938.170	1.015.046.363	2.816.984.533
Khấu hao trong năm	15.133.830	-	15.133.830
Số cuối năm	1.817.072.000	1.015.046.363	2.832.118.363
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	15.133.830	-	15.133.830
Số cuối năm	-	-	-
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	1.336.301.327	(1.336.301.327)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	21.941.036.409	6.878.719.422	(2.198.863.638)	(830.824.952)	25.790.067.241
- Trạm bơm tăng áp Phan Rang số 02, công suất 36.000 m ³ /ngày đêm	18.496.470.954	218.810.357	-	-	18.715.281.311
- Cải tạo, nâng cấp Nhà máy nước Tháp Chàm	2.232.822.289	3.785.145.492	-	-	6.017.967.781

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
- Cải tạo nâng công suất Nhà máy nước Tân Sơn		376.157.234	-	-	376.157.234
- Di dời đường ống cấp nước hiện hữu thuộc Dự án môi trường bền vững các thành phố Duyên hải	-	591.228.668			591.228.668
- Di dời tuyến ống cấp nước dọc hai bên đường đôi vào TP.PR-TC	1.133.957.499	482.292.967	(1.616.250.466)	-	-
- Các công trình khác	77.785.667	1.425.084.704	(582.613.172)	(830.824.952)	89.432.247
Cộng	21.941.036.409	8.215.020.749	(3.535.164.965)	(830.824.952)	25.790.067.241

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	3.420.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Sơn Long Thuận	3.420.000	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	5.845.462.243	6.834.880.863
Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Ninh Thuận	2.003.236.200	1.395.428.400
Công ty Cổ phần Đông Á	505.440.000	-
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Sông Dinh	162.606.629	696.518.338
Công ty TNHH Xây dựng An Nguyên	-	1.805.028.445
Các nhà cung cấp khác	3.174.179.414	2.937.905.680
Cộng	5.848.882.243	6.834.880.863

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Toàn Tâm Ninh Thuận	203.125.437	-
Tiền cọc lắp đặt hệ thống nước	-	1.266.280.500
Các khách hàng khác	55.884.539	79.522.098
Cộng	259.009.976	1.345.802.598

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Giảm khác	Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp		Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	376.038.011	5.540.533.544	(5.746.551.941)	-	-	582.056.408
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	53.092.334	9.063.607.419	(11.489.494.426)	-	-	2.478.979.341
Thuế thu nhập cá nhân	-	66.731.260	784.388.269	(784.388.269)	-	-	66.731.260
Thuế tài nguyên, cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	106.679.880	878.598.280	(868.924.520)	-	-	97.006.120

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Giảm khác	Phải nộp	Phải thu
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	19.124.035	(20.066.789)	-	-	942.754
Lệ phí môn bài	-	-	9.000.000	(9.000.000)	-	-	-
Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt	-	1.763.085.489	2.318.040.954	(2.303.311.641)	-	-	1.748.356.176
Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp	-	-	7.757.984	(7.757.984)	-	-	-
Dịch vụ thoát nước	507.440.708	-	-	(496.766.740)	(10.673.968)	-	-
Cộng	507.440.708	2.365.626.974	18.621.050.485	(21.726.262.310)	(10.673.968)	-	4.974.072.059

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

- Khai thác và cung cấp nước sạch 5%
- Lắp đặt hệ thống nước, bán vật tư,... 10%

Từ ngày 01/7/2023 đến ngày 31/12/2023, thuế suất giá trị gia tăng của các mặt hàng, dịch vụ chịu thuế 10% giảm xuống còn 8% theo Nghị định 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ lĩnh vực xã hội hóa theo các quy định sau:

- Quy định tại điều 8 và điều 16 nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ và theo điều 15, điều 16 và điều 19 nghị định số 219/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ.
- Quy định tại mục V danh mục, loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường ban hành kèm theo quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung tại mục VI Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ).
- Theo khoản 3, Điều 11, Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015 quy định Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động áp dụng đối với phần thu nhập của doanh nghiệp từ hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao và môi trường, giám định tư pháp (sau đây gọi chung là lĩnh vực xã hội hoá).

Các khoản thu nhập khác phải nộp thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	81.095.396.840	68.207.516.442
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	486.540.794	4.013.333.370
- Các khoản điều chỉnh giảm	(4.373.987.142)	-
Thu nhập tính thuế/Thu nhập chịu thuế	77.207.950.492	72.220.849.812

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu nhập chịu thuế suất 10%	63.779.826.797	56.655.702.033
- Thu nhập chịu thuế suất 20%	13.428.123.695	15.565.147.779
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.063.607.419	8.778.599.759
- Chi phí thuế theo thuế suất 10%	6.377.982.680	5.665.570.203
- Chi phí thuế theo thuế suất 20%	2.685.624.739	3.113.029.556
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	9.063.607.419	8.778.599.759

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước thiên nhiên để sản xuất nước sạch với giá tính thuế 2.000 VND/m³, thuế suất 1%.

Phí bảo vệ môi trường

Công ty phải nộp phí bảo vệ môi trường với mức thuế cho từng hoạt động như sau:

- Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt: 10% trên giá bán của 01 m³ nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
- Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp: số phí cố định và biến đổi được tính theo quy định.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả người lao động

Tiền lương và các khoản khác còn phải trả người lao động, người quản lý; thù lao phải trả Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	310.995.129	395.541.790
Chi phí nhiên liệu	123.905.300	125.314.400
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	165.975.806	174.866.168
Cộng	600.876.235	695.722.358

16. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

16a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khoản đền bù di dời tuyến ống cấp nước dọc hai bên đường Vĩnh Hy – Ninh Chữ ⁽ⁱ⁾	12.643.420.000	12.643.420.000
Khoản đền bù di dời đường ống cấp nước hiện hữu thuộc Dự án môi trường bền vững các thành phố Duyên hải ⁽ⁱⁱ⁾	4.492.833.038	-
Cổ tức phải trả	110.205.161	133.705.433
Kinh phí công đoàn	36.590.031	36.150.319

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.456.072.443	-
Dịch vụ thoát nước	545.798.390	-
Phí bảo vệ môi trường rừng	290.957.212	274.457.716
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	273.664.685	492.448.343
Cộng	<u>19.849.540.960</u>	<u>13.580.181.811</u>

- (i) Khoản tiền nhận hỗ trợ di dời tuyến ống cấp nước dọc hai bên đường Vĩnh Hy – Ninh Chữ theo quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 17/02/2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận.
- (ii) Khoản tiền bồi thường, hỗ trợ di dời hệ thống cấp nước hiện hữu thuộc dự án “Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải- tiểu dự án thành phố Phan Rang – Tháp Chàm”, tương ứng chi phí xây dựng cơ bản dở dang đã thực hiện di dời đến ngày 31/12/2023 là 591.228.668 VND (xem thuyết minh số 10).

16b. Phải trả dài hạn khác

Theo Văn bản số 4773/UBND-KT ngày 9/11/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận, Công ty đã ban hành Quyết định số 16/QĐ/CTCPCN ngày 10/03/2009 thành lập Ban QLDA cấp thoát nước đô thị ADB4 – Ninh Thuận để thực hiện Dự án phát triển đô thị vừa và nhỏ khu vực miền Trung, tiểu dự án tỉnh Ninh Thuận. Trong thời gian thực hiện Dự án, Công ty đã chuyển tiền đối ứng cho Ban QLDA Cấp thoát nước đô thị ADB4 – Ninh Thuận để thực hiện công trình là 13.028.161.367 VND (xem thuyết minh số V.4).

Giá trị tài sản của Dự án này (phần cấp nước) được Công ty tạm ghi tăng tài sản theo hồ sơ quyết toán công trình xác nhận thanh toán cuối cùng ngày 27/06/2014 với số tiền 46.866.616.290 VND. Theo công văn số 2153/UBND-KTTH ngày 06/05/2021, công văn số 4903/UBND-KTTH ngày 09/11/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận; công văn số 3634/STC-VP ngày 19/09/2023 của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận, Công ty đã tạm nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền đã trích khấu hao của dự án. Số tiền đã tạm nộp trong các năm 2021, 2022 và 2023 lần lượt là 14.000.000.000 VND, 11.796.817.143 VND và 1.538.786.639 VND, tổng số tiền đã nộp đến ngày 31/12/2023 là 27.335.603.782 VND. Phần chênh lệch giữa giá trị tài sản tạm ghi tăng và số tiền tạm nộp tại ngày cuối năm là 19.531.012.508 VND (tại ngày đầu năm là 21.069.799.147 VND).

Hiện nay, hồ sơ quyết toán dự án này đang được Ban QLDA cấp thoát nước đô thị – Ninh Thuận thực hiện quyết toán. Giá trị tài sản cũng như khoản phải thu và phải trả Ban QLDA cấp thoát nước đô thị – Ninh Thuận sẽ được điều chỉnh theo hồ sơ quyết toán chính thức.

16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Vay ngắn hạn/dài hạn

17a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)	14.290.159.125	15.144.245.028
- Khoản vay ADB	13.436.095.028	13.436.095.028
- Khoản vay AFD	854.064.097	1.708.150.000
Cộng	<u>14.290.159.125</u>	<u>15.144.245.028</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	15.144.245.028	15.144.245.028
Kết chuyển từ vay dài hạn	14.290.159.125	15.144.245.028
Số tiền vay đã trả	(15.144.245.028)	(15.144.245.028)
Số cuối năm	<u>14.290.159.125</u>	<u>15.144.245.028</u>

17b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Khu vực Nam Trung bộ ⁽ⁱ⁾	47.026.332.584	61.316.491.709
- Khoản vay ADB	47.026.332.584	60.462.427.612
- Khoản vay AFD	-	854.064.097
Cộng	<u>47.026.332.584</u>	<u>61.316.491.709</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

⁽ⁱ⁾ Khoản vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Khu vực Nam Trung bộ theo các Hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính và Công ty như sau:

- Hiệp định vay vốn ADB ngày 26 tháng 7 năm 2002 giữa Bộ Tài chính và Công ty với tổng mức vốn vay là 11.836.000 USD nhằm mục đích đầu tư về “Dự án thứ ba Cấp nước vệ sinh cho các thị xã, thị trấn ADB3”. Thời hạn cho vay 22 năm trong đó có 6 năm ân hạn gốc và lãi, lãi suất cho vay là 5,8%/năm tính trên số dư nợ vay, phí cho vay lại của Ngân hàng Phát triển Việt Nam là 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay. Nợ gốc được trả thành 32 khoản bằng nhau trong 32 kỳ bán niên, 6 tháng một lần vào các ngày 01/06 và 01/12 hàng năm. Kỳ trả nợ gốc, lãi đầu tiên của dự án là 01/12/2012;
- Khoản vay vốn AFD ngày 03 tháng 6 năm 2003 giữa Ngân hàng Phát triển Khu vực Nam Trung bộ và Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận với tổng mức vốn vay là 18.943.147.000 VND nhằm mục đích đầu tư về “Dự án cấp nước vệ sinh các thị xã, thị trấn”. Thời hạn cho vay 22 năm trong đó có 09 năm ân hạn gốc và lãi, lãi suất cho vay là 5,8%/năm tính trên số dư nợ vay, phí cho vay lại của Ngân hàng Phát triển Việt Nam là 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay, lãi phạt chậm trả là 8,8%/năm, lãi phát sinh trong thời gian ân hạn sẽ được gốc hóa. Nợ gốc được trả thành 26 kỳ trả nợ. Kỳ trả nợ gốc, lãi đầu tiên của dự án là 31/10/2011.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	14.290.159.125	15.144.245.028
Trên 1 năm đến 5 năm	47.026.332.584	54.598.444.209
Trên 5 năm	-	6.718.047.500
Cộng	<u>61.316.491.709</u>	<u>76.460.736.737</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	61.316.491.709	76.460.736.737
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(14.290.159.125)	(15.144.245.028)
Số cuối năm	<u>47.026.332.584</u>	<u>61.316.491.709</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17c. Vay quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Tăng do điều chỉnh trích quỹ từ năm 2018 đến 2021	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	810.421.864	7.807.690.458	2.980.000	(6.611.843.000)	65.470.601	2.074.719.923
Quỹ phúc lợi	1.673.544.931	3.000.000.000	-	(2.460.655.000)	(39.706.440)	2.173.183.491
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	80.563.006	297.295.331	-	(297.295.331)	-	80.563.006
Cộng	2.564.529.801	11.104.985.789	2.980.000	(9.369.793.331)	25.764.161	4.328.466.420

19. Vốn chủ sở hữu**19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	94.908.414.916	1.965.140.000	46.047.345.680	67.814.998.725	210.735.899.321
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	59.428.916.683	59.428.916.683
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận 2021	-	-	12.592.301.812	(19.956.778.292)	(7.364.476.480)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận 2022	-	-	-	(120.000.000)	(120.000.000)
Chia cổ tức năm 2021	-	-	-	(23.727.102.500)	(23.727.102.500)
Số dư cuối năm trước	94.908.414.916	1.965.140.000	58.639.647.492	83.440.034.616	238.953.237.024
Số dư đầu năm nay	94.908.414.916	1.965.140.000	58.639.647.492	83.440.034.616	238.953.237.024
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	72.031.789.421	72.031.789.421
Điều chỉnh trích quỹ do điều chỉnh lợi nhuận từ năm 2018 đến 2021	-	-	(30.798.777)	5.034.616	(25.764.161)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận 2022	-	-	17.828.675.005	(27.913.660.794)	(10.084.985.789)
Chia cổ tức năm 2022	-	-	-	(34.167.027.600)	(34.167.027.600)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2023	-	-	-	(1.020.000.000)	(1.020.000.000)
Số dư cuối năm nay	94.908.414.916	1.965.140.000	76.437.523.720	92.376.170.259	265.687.248.895

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận	49.405.554.916	49.405.554.916
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Sơn Long Thuận	40.224.860.000	40.224.860.000
Công ty TNHH Cấp nước Đông Mỹ Hải	1.000.000.000	1.000.000.000
Các cổ đông khác	4.278.000.000	4.278.000.000
Cộng	94.908.414.916	94.908.414.916

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.490.841	9.490.841
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	9.490.841	9.490.841
- Cổ phiếu phổ thông	9.490.841	9.490.841
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.490.841	9.490.841

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 số 606/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 như sau:

	<u>Số được phân phối</u>	<u>Số đã trích trong năm trước</u>	<u>Số trích trong năm nay</u>
• Quỹ đầu tư phát triển	17.828.675.005	-	17.828.675.005
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	10.204.985.789	120.000.000	10.084.985.789
• Chia cổ tức	34.167.027.600	-	34.167.027.600

Ngoài ra, Công ty còn tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm nay với số tiền 1.020.000.000 VND theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023 được Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 thông qua. Quyết định trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 sẽ do Đại hội đồng cổ đông thường niên trong năm 2024 quyết định chính thức.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hoạt động cấp nước	194.170.750.214	186.381.313.566
Doanh thu lắp đặt hệ thống nước	6.367.404.310	7.323.021.011
Cộng	<u>200.538.154.524</u>	<u>193.704.334.577</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hoạt động cấp nước	114.459.731.192	110.934.941.052
Giá vốn lắp đặt ống nước	4.449.874.661	5.189.828.707
Cộng	<u>118.909.605.853</u>	<u>116.124.769.759</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	11.215.551.810	8.083.706.380
Lãi chậm thanh toán	1.492.606.946	229.299.149
Cộng	<u>12.708.158.756</u>	<u>8.313.005.529</u>

4. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay.

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	870.833.419	1.252.557.737
Chi phí vật liệu, bao bì	3.150.498.571	3.599.790.412
Chi phí dịch vụ mua ngoài	389.007.676	199.589.967
Các chi phí khác	317.115.000	217.198.000
Cộng	<u>4.727.454.666</u>	<u>5.269.136.116</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.358.860.064	2.378.362.644
Chi phí vật liệu quản lý	514.438.861	484.526.159
Chi phí khấu hao tài sản cố định	500.831.748	720.596.197
Thuế, phí và lệ phí	1.221.168.875	1.177.494.808
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	(4.373.987.142)	3.527.891.979
Chi phí dịch vụ mua ngoài	986.301.333	939.757.913
Các chi phí khác	3.671.339.463	3.626.008.583
- Chi phí trang phục	1.265.500.000	1.266.500.000
- Chi phí khác	2.405.839.463	2.359.508.583
Cộng	<u>4.878.953.202</u>	<u>12.854.638.283</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ khoản thực thu tiền bồi thường theo Bản án sơ thẩm số 17/2022/HS-ST ngày 30/08/2022	478.833.568	-
Thu nhập từ dịch vụ thoát nước	280.896.225	246.580.572
Thu nhập từ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt	96.585.040	108.320.994
Thanh lý công cụ dụng cụ	49.215.909	-
Thu nhập từ bồi thường di dời tuyến ống	-	8.003.670.754
Thu nhập khác	8.129.303	123.226.341
Cộng	<u>913.660.045</u>	<u>8.481.798.661</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên thu phí dịch vụ bảo vệ môi trường và dịch vụ thoát nước	164.575.400	325.045.700
Chi phí vật tư, nhân công đi दौर tuyển ồng	-	2.179.758.000
Chi phí khác	48.264.621	281.276.823
Cộng	<u>212.840.021</u>	<u>2.786.080.523</u>

9. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	72.031.789.421	59.428.916.683
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ⁽ⁱ⁾	(9.222.863.069)	(10.204.985.789)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	62.808.926.352	49.223.930.894
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	9.490.841	9.490.841
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>6.618</u>	<u>5.186</u>

⁽ⁱ⁾ Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay được tạm tính theo lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2023 và tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023 đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 thông qua. Quyết định trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 sẽ do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty quyết định chính thức.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	62.341.908.813	59.846.483.700
Chi phí nhân công	35.185.103.456	34.722.939.935
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.921.591.160	27.375.708.068
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.103.206.983	2.799.159.333
Chi phí dự phòng	(4.373.987.142)	3.527.891.979
Chi phí khác	6.338.190.451	5.976.361.143
Cộng	<u>128.516.013.721</u>	<u>134.248.544.158</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh giao dịch mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp với số tiền 1.167.921.656 VND (năm trước là 2.835.578.628 VND).

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tiền lương, tiền thưởng và thù lao của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát

	Chức danh	Tiền lương	Tiền thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay					
Ông Phạm Hữu Sơn	Chủ tịch HĐQT	454.707.000	56.718.900	-	511.425.900
Ông Đinh Ân	Thành viên HĐQT - Giám đốc	437.688.432	52.987.000	75.031.200	565.706.632
Ông Đinh Viết Sơn	Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc	375.161.496	48.689.000	75.031.200	498.881.696
Ông Nguyễn Quốc Quyền	Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc	375.161.496	45.056.700	75.031.200	495.249.396
Ông Võ Ngọc Thoại	Thành viên HĐQT	-	-	75.031.200	75.031.200
Bà Bá Bạch Thuý Tiên	Trưởng Ban kiểm soát	382.664.736	49.066.800	-	431.731.536
Bà Đinh Lê Ngọc Trâm	Kiểm soát viên	-	-	60.025.200	60.025.200
Cộng		2.025.383.160	252.518.400	360.150.000	2.638.051.560
Năm trước					
Ông Phạm Hữu Sơn	Chủ tịch HĐQT	458.466.420	52.951.700	-	511.418.120
Ông Đinh Ân	Thành viên HĐQT - Giám đốc	441.307.152	50.357.900	75.651.600	567.316.652
Ông Đinh Viết Sơn	Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc	378.263.256	46.541.900	75.651.600	500.456.756
Ông Nguyễn Quốc Quyền	Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc	378.263.256	42.226.400	75.651.600	496.141.256
Ông Võ Ngọc Thoại	Thành viên HĐQT	-	-	75.651.600	75.651.600
Bà Bá Bạch Thuý Tiên	Trưởng Ban kiểm soát	385.828.536	45.777.900	-	431.606.436
Bà Đinh Lê Ngọc Trâm	Kiểm soát viên	-	-	60.522.000	60.522.000
Bà Vũ Đình Trúc Vi (miễn nhiệm ngày 27/4/2022)	Kiểm soát viên	-	-	20.174.000	20.174.000
Cộng		2.042.128.620	237.855.800	383.302.400	2.663.286.820

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận	Cổ đông, nắm giữ 52,06% vốn điều lệ
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Sơn Long Thuận	Cổ đông, nắm giữ 42,38 % vốn điều lệ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, Phường Kinh Dinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan khác. Các giao dịch khác phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận		
Trả cổ tức	17.785.998.000	12.351.387.500
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Sơn Long Thuận		
Trả cổ tức	14.480.949.600	10.056.215.000
Mua vật tư và sử dụng dịch vụ (đã bao gồm thuế GTGT)	96.960.000	114.023.000

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.11.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Ninh Thuận, ngày 13 tháng 3 năm 2024

		
Lâm Đại Nam Người lập	Nguyễn Thu Hoà Kế toán trưởng	Đinh Ân Giám đốc

